

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **162** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố
Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 29/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210 /2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2023);

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 26/02/2025 và đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 02/SXD-QHKT ngày 05/3/2025; ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung chính sau:

I. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

1. Quan điểm

- Phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đảm bảo phù hợp với lộ trình phát triển hệ thống đô thị Quốc gia theo Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cụ thể hóa Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt; Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 và làm cơ sở để triển khai thực hiện, quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040.

- Nhằm rà soát tổng thể thực trạng phát triển thành phố Quảng Ngãi so với các tiêu chuẩn đô thị loại II và loại I quy định tại Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, từ đó xây dựng các chương trình dự án, hạng mục đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế phát triển của đô thị của thành phố để khắc phục hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu, còn yếu; đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

- Làm cơ sở để lập các đề án đánh giá, phân loại, nâng loại khu vực phát triển thành phường trong tương lai.

2. Mục tiêu chung

- Đầu tư phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đáp ứng các tính chất chức năng là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật và an ninh - quốc phòng của tỉnh Quảng Ngãi; là đô thị ven sông, hướng biển, một trong những đô thị có tiềm năng phát triển thuộc dải đô thị ven biển miền Trung Việt Nam, là đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và của vùng; đáp ứng các chức năng phát triển vùng, của quốc gia về y tế, giáo dục, du lịch, thương mại dịch vụ.

- Phát triển đô thị gắn liền với bảo tồn phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa Quảng Ngãi. Cải tạo chỉnh trang nâng cao bản sắc, kiến trúc đô thị.

- Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại I.

3. Mục tiêu cụ thể phát triển đô thị

3.1. Năm 2025

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 79%.

- Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu so với tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Lập đề án trình cơ quan Trung ương công nhận 07 xã: Tịnh Khê, Tịnh Ấn Tây, Nghĩa Dong, Nghĩa Dũng, Tịnh Long, Tịnh An và An Phú trở thành phường.

3.2. Giai đoạn đến năm 2030

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 83%.

- Cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị theo Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040; Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023, phù hợp Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ và Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến năm 2030, thành phố Quảng Ngãi hoàn thành các tiêu chuẩn của đô thị loại II và đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I.

- Rà soát tổng thể các tiêu chí về kinh tế - xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí còn thiếu, còn yếu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng khung.

- Đảm bảo sự phát triển của đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo an ninh xã hội gắn với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Góp phần nâng cao chất lượng sống người dân đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng hạ tầng đô thị; kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính kết nối theo quy hoạch được duyệt.

3.3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 90%.
- Lập đề án đề nghị công nhận đô thị loại I trình Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ công nhận.
- Lập đề án trình cơ quan Trung ương công nhận 02 xã: Tịnh Kỳ, Nghĩa Hà trở thành phường.

II. Nội dung Chương trình

1. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị

Phạm vi ranh giới diện tích nghiên cứu lập Chương trình phát triển đô thị là toàn bộ địa giới hành chính thành phố, với quy mô diện tích 15.734,77 ha, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Sơn Tịnh;
- Phía Nam và Tây Nam giáp huyện Tư Nghĩa và huyện Mộ Đức;
- Phía Bắc giáp huyện Sơn Tịnh và Bình Sơn.

2. Chỉ tiêu phát triển đô thị

2.1. Các chỉ tiêu phát triển đô thị chính (theo tiêu chuẩn đô thị loại I)

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2024	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2050
		T.đa – T.thiểu				
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	≥ 3.000	2.356	2.637	3.042	4.111
		2.000				
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành (người/km ²)	≥ 12.000	9.518	≥ 10.000	≥ 11.000	≥ 12.000
		10.000				
3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị (%)		32,50	36,62	40,04	50,36
4	Diện tích nhà ở bình	≥ 32	30,89	≥ 32	≥ 32	≥ 32

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2024	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2050
		T.đa – T.thiểu				
	quân đầu người (m ² sàn/người)	28				
5	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	≥ 15	10,96	≥ 14	≥ 15	≥ 16
		10				
6	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	≥ 24	10,79	≥ 20	≥ 23	≥ 25
		16				
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 50	0	≥ 30	≥ 40	≥ 50
		30				

2.2. Các tiêu chuẩn chưa đạt và đạt ở mức thấp so với các tiêu chuẩn của đô thị loại I:

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2024	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2050
		T.đa – T.thiểu				
I	Các tiêu chuẩn chưa đạt					
1	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	≥ 2,10	1,01	≥ 1,75	≥ 1,85	≥ 2,10
		1,75				
2	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	≥ 10	8,88	≥ 9	≥ 9,5	≥ 10
		9				
3	Tỷ lệ tăng dân số	≥ 2	1,40	≥ 1,60	≥ 1,8	≥ 2,00
		1,6				
4	Dân số toàn đô thị	≥ 1.000	324.274	363.000	418.778	566.000
		500				
5	Dân số khu vực nội thành, nội thị	≥500	155.120	299.600	345.636	518.300
		200				

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2024	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2050
		T.đá – T.thiểu				
6	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành	≥ 12.000	9.518	≥ 10.000	≥ 11.000	≥ 12.000
		10.000				
7	Công trình văn hóa cấp đô thị	≥ 14	6	≥ 10	≥ 10	≥ 14
		10				
8	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	≥ 10	5	≥ 7	≥ 7	≥ 10
		7				
9	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	≥ 14	7	≥ 10	≥ 10	≥ 14
		10				
10	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	≥ 24	10,79	≥ 13	≥ 14	≥ 16
		16				
11	Mật độ đường giao thông đô thị	≥ 10	3,8	≥ 8	≥ 9	≥ 10
		8				
12	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	≥ 15	11,44	≥ 13	≥ 14	≥ 15
		13				
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 50	0	≥ 30	≥ 40	≥ 50
		30				
14	Nhà tang lễ	≥ 4	1	1	1	≥ 2
		2				
15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 60	15,99	≥ 30	≥ 40	≥ 60
		30				
16	Công trình xanh	≥ 2	0	≥ 1	≥ 1	≥ 2
		1				
17	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	≥ 6	0	0	0	0
		4				

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2024	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2050
		T.đa – T.thiểu				
II	Các tiêu chuẩn đạt ở mức thấp (chỉ tính cho khu vực nội thành)					
1	Tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	≥ 2	1,73	≥ 1,80	≥ 1,90	≥ 2,00
		1,5				
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	≥ 75	71	≥ 75		≥ 75
		65				
3	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	≥ 50	23	≥ 25	≥ 25	≥ 50
		20				
4	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	≥ 2.100	952,81	≥ 1.100	≥ 1.100	≥ 2.100
		1.100				
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	≥80	35	≥ 55	≥ 70	≥ 80
		35				
6	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	≥ 15	10,96	≥ 13	≥ 14	≥ 15
		10				

2.3. Số lượng phường dự kiến thành lập mới

- Năm 2025, thành lập các phường: Tịnh Khê (*xã Tịnh Khê*), Tây Ấn (*xã Tịnh Ấn Tây*), Nghĩa Dong (*xã Nghĩa Dong*), Nghĩa Dũng (*xã Nghĩa Dũng*), Trần Văn Trà (*xã Tịnh Long*), An Nhơn (*xã Tịnh An*), An Phú (*xã An Phú*).

- Giai đoạn đến năm 2030: Nhập nguyên trạng đơn vị hành chính 03 Phường Nguyễn Nghiêm, Phường Trần Hưng Đạo và Phường Lê Hồng Phong trở thành 01 phường. Sau khi sáp nhập phường mới có diện tích tự nhiên 4,3km², đạt 78,4% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 34.629 người đạt 494,7% so với tiêu chuẩn.

- Giai đoạn đến năm 2050: Thành lập 02 phường: Tịnh Kỳ, Nghĩa Hà trên cơ sở hiện trạng 02 xã: Tịnh Kỳ, Nghĩa Hà.

3. Danh mục các khu vực phát triển và lộ trình triển khai xây dựng

3.1. Danh mục các khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch chung được phê duyệt

Trên cơ sở đồ án đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021, phân chia các khu vực phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi thành 03 khu:

- Khu vực phát triển đô thị mật độ cao: Gồm Khu đô thị mới phía Bắc (A1); Khu đô thị trung tâm hiện hữu (A2); Khu đô thị phía Tây phường Quảng Phú (A3); Khu đô thị phía Đông phường Nghĩa Chánh (A4).

- Khu vực phát triển đô thị xanh: Gồm Khu đô thị xanh phía Bắc (B1); Khu đô thị xanh phía Nam (B2); các đảo trên sông (B3).

- Khu vực phát triển đô thị ven biển: Đô thị ven biển phía Bắc (C1); Đô thị thương mại dịch vụ phía Đông Bắc (C2); Đô thị ven biển phía Nam (C3).

3.2. Lộ trình triển khai thực hiện

TT	Khu vực phát triển đô thị	Giai đoạn		
		2024 - 2025	2026 - 2030	Đến năm 2050
1	Khu vực phát triển đô thị mật độ cao			
	Bảo tồn không gian kiến trúc cảnh quan	x	x	x
	Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội	x	x	x
	Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư cũ	x	x	x
	Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới	x	x	x
2	Khu vực phát triển đô thị xanh			
	Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội	x	x	x
	Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư cũ	x	x	x
	Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới	x	x	x
3	Khu vực phát triển đô thị ven biển			
	Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội	x	x	x
	Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư cũ	x	x	x
	Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới	x	x	x

4. Các chương trình, đề án trọng tâm phát triển đô thị thông minh, tăng trưởng xanh bền vững

- Các hoạt động sản xuất tại cụm công nghiệp Tịnh Ấn Tây, cụm công nghiệp phường Trương Quang Trọng, chuyên dần ra khỏi đô thị; chuyển đổi chức năng cụm công nghiệp thành khu trung tâm logistic.

- Thu hút đầu tư, phát triển các ngành sản xuất xanh mới, hạn chế phát triển các ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động theo kinh nghiệm thực hành tốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái.

- Về lĩnh vực giao thông vận tải và dịch vụ logistics: Xanh hóa các lĩnh vực giao thông hiện có và mở rộng giao thông xanh trên cơ sở tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện theo hướng xanh, thông minh có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, phát triển giao thông công cộng, dịch vụ logistics, bao gồm: 03 nhóm nhiệm vụ cụ thể:

+ Thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch; phát triển công nghiệp sản xuất phương tiện sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.

+ Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông vận tải theo hướng tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức. Phát triển kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải.

- Phát triển du lịch: Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn...), phát triển sản phẩm du lịch xanh.

- Triển khai đầu tư, xây dựng các dịch vụ, nền tảng số phục vụ phát triển đô thị thông minh. Trước mắt ưu tiên tập trung đầu tư một số lĩnh vực sau:

+ Phát triển chiếu sáng đô thị thông minh.

+ Phát triển lưới điện thông minh.

+ Phát triển giao thông thông minh, hệ thống điều khiển hướng dẫn cho người tham gia giao thông.

+ Phát triển hệ thống cấp thoát nước thông minh, đảm bảo khả năng kiểm soát, xử lý ô nhiễm và an toàn chất lượng.

+ Phát triển hệ thống thu gom và xử lý rác thải đô thị thông minh.

- Tỷ lệ ngầm hóa trên các tuyến đường được đầu tư xây dựng mới đạt đến năm 2030 đạt 30%, đến năm 2050 đạt 50%.

5. Danh mục các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư

(Chi tiết tại các Phụ lục 1,2,3 kèm theo)

6. Nguồn vốn thực hiện chương trình

- Vốn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và tỉnh) dành chủ yếu cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khung đô thị như: giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải... Ngân sách thành phố ưu tiên cho đầu tư giải quyết các vấn đề cấp bách, chỉnh trang đô thị...

- Vốn ngoài Nhà nước: tăng cường thu hút vận động các nguồn vốn từ Nhân dân, các doanh nghiệp cho phát triển kinh doanh, xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, thương mại dịch vụ, du lịch...; huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư trực tiếp vào các dự án phát triển đô thị, du lịch trên địa bàn.

7. Khái toán kinh phí thực hiện

7.1. Các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn từ nay đến năm 2050 là **40.228** tỷ đồng. Trong đó:

- + Đến năm 2025: 3.789 tỷ đồng.
- + Giai đoạn 2026 - 2030: 16.599 tỷ đồng.
- + Giai đoạn 2031 – 2050: 19.900 tỷ đồng.

7.2. Các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn từ nay đến năm 2050 là **34.272** tỷ đồng. Trong đó:

- + Đến năm 2025: 481 tỷ đồng.
- + Giai đoạn 2026 - 2030: 23.372 tỷ đồng.
- + Giai đoạn 2031 – 2050: 10.419 tỷ đồng.

8. Các giải pháp về cơ chế chính sách thực hiện Chương trình

8.1. Giải pháp về nguồn vốn

- Thu hút đầu tư phát triển đô thị: Tập trung khai thác tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó nội lực là yếu tố quyết định, ngoại lực đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị.

- Huy động vốn từ ngân sách Nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) và các nguồn vốn đóng góp, huy động hợp pháp khác để thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố theo quy định.

- Huy động vốn ngoài ngân sách Nhà nước:

+ Đa dạng hoá các kênh, các hình thức huy động vốn đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách. Thực hiện đồng bộ các giải pháp (đặc biệt là làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công) để cải thiện môi trường đầu tư.

+ Điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư. Thực hiện xã hội hóa, tư nhân hóa trong đầu tư xây dựng, chỉnh trang đô thị và cung cấp dịch vụ công.

+ Xây dựng Đề án thúc đẩy hợp tác đầu tư công tư PPP, đặc biệt chú trọng tới hình thức nhà nước đầu tư giao tư nhân quản lý, khai thác (các công trình xử lý nước thải, sân vận động, trung tâm thể thao...), tư nhân đầu tư, nhà nước thuê sử dụng (hạ tầng công nghệ thông tin, ...).

8.2. Giải pháp về quy hoạch và quản lý đô thị.

- Tập trung tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị Quảng Ngãi, phù hợp với quy hoạch tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, khả thi khi triển khai thực hiện. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị để có cơ sở thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

- Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, quản lý chỉnh trang đô thị, ban hành quy định về tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị; xây dựng và triển khai thực hiện tốt các văn bản quản lý trật tự xây dựng đô thị; thường xuyên rà soát và kịp thời điều chỉnh bổ sung quy hoạch cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng thời kỳ. Chương trình phát triển đô thị thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Xác định vai trò quan trọng của công tác quy hoạch trong phát triển không gian đô thị, trở thành công cụ đắc lực trong quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng, làm cơ sở để xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, tạo bước chuyển mới cho đô thị. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác.

8.3. Giải pháp về chính sách

- Tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để đề nghị sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh.

- Tiếp tục cụ thể hóa các chính sách về các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực: Phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước, môi trường đô thị...), phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho người có thu nhập thấp tại các xã Tịnh Hòa (40ha), xã Tịnh Ấn Tây (20ha), Nghĩa Dũng (2ha) và theo các dự án nhà ở thương mại; các dự án khu đô thị, khu dân cư; xây dựng

công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, văn hoá, thể thao) cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được các cơ quan ban hành để có thể áp dụng vào tình hình thực tế của thành phố.

- Tiếp tục rà soát các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ, tập trung tháo gỡ vướng mắc và tạo điều kiện để dự án sớm triển khai.

- Tiếp tục thực hiện việc đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước để tiếp tục thu hút vốn đầu tư.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong xử lý công việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương.

- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo thành phố, các ngành với các nhà đầu tư để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách và pháp luật hiện hành, đảm bảo các dự án hoạt động hiệu quả, nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại thành phố, tạo hiệu ứng lan toả và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới.

8.4. Giải pháp về thu hút đầu tư

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách vận động, thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp. Tiếp tục củng cố và xây dựng cơ quan xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp để đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Tiếp tục rà soát và xây dựng thông tin chi tiết về dự án đối với danh mục kêu gọi đầu tư để làm cơ sở cho việc kêu gọi các nhà đầu tư.

- Tham gia tích cực các Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

8.5. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình nhằm đạt quy mô và cơ cấu dân số hợp lý. Đào tạo và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của người lao động, liên kết, hợp tác với nước ngoài trong công tác đào tạo nghề, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

- Xây dựng và lồng ghép các chương trình phát triển, liên quan đến phát triển thể lực, trí lực của con người, tạo điều kiện nâng cao chất lượng nguồn lao động.

- Đổi mới cơ cấu nguồn nhân lực: Đào tạo nhân lực gắn với nhu cầu doanh nghiệp trên địa bàn và các địa phương lân cận. Từng bước hình thành một cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý phù hợp với cơ cấu ngành đã được định ra.

- Xã hội hóa hoạt động đầu tư phát triển giáo dục – đào tạo. Điều chỉnh, bổ sung quy định tuyển dụng, chính sách thu hút nhân tài. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông qua luân chuyển, giao việc. Đổi mới tư duy theo hướng phát triển thành phố bền vững, tạo môi trường sống và làm việc thuận lợi để thu hút các chuyên gia, cán bộ quản lý và người lao động định cư trên địa bàn thành phố. Tăng cường huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp và các tổ chức cho phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở đào tạo.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, tín dụng, hỗ trợ việc đào tạo nhân lực chất lượng cao thuộc ngành mũi nhọn để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho giáo dục đào tạo nguồn nhân lực với các hình thức khác nhau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Kiểm tra, hướng dẫn UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai xây dựng các tiêu chí còn yếu và thiếu nhằm đạt các tiêu chuẩn đề ra.

- Kiểm tra, hướng dẫn UBND thành phố Quảng Ngãi tổ chức lập, phê duyệt và quản lý các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; đảm bảo định hướng phát triển đô thị theo mục tiêu đề ra.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND thành phố Quảng Ngãi tham mưu UBND tỉnh tổng hợp kinh phí đầu tư phát triển hàng năm từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước phục vụ đầu tư phát triển đô thị, trình HĐND tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm và hướng dẫn địa phương thực hiện, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Cân đối ngân sách hàng năm đảm bảo chi phí chung của các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị và vận động thu hút nguồn vốn ODA cho các hoạt động thuộc Chương trình, tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển đô thị từ các nguồn vốn hợp pháp trong nước và quốc tế.

- Hướng dẫn cơ chế ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

3. Các sở, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

4. UBND thành phố Quảng Ngãi

- Tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện việc lưu trữ hồ sơ và

cung cấp thông tin đến các tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

- Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt, UBND thành phố xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, 5 năm để tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Tổ chức quản lý phát triển đô thị theo kế hoạch đề ra, trong đó thiết lập các đề án thành phần phù hợp theo từng năm của Chương trình phát triển đô thị.

- Chỉ đạo, tuyên truyền vận động toàn hệ thống chính trị, nhân dân thuộc địa bàn thành phố triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Đẩy mạnh công tác xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh đô thị.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ của cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý xây dựng phát triển đô thị. Tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp tăng cường công tác tuyên truyền, toàn bộ các cấp, các ngành đều vào cuộc tham gia xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

- Định kỳ 06 tháng, hàng năm, tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình triển khai Chương trình phát triển đô thị ở địa phương, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 140).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC 1**Danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công đến năm 2050***(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh)*

TT	Nội dung công việc
A	Hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng kỹ thuật đầu mối
I	Giao thông
1	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
2	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi (đoạn qua thành phố)
3	Cầu Trà Khúc 1
4	Đường nối từ Quốc lộ 1 (nút giao đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh
5	Đường nối từ phía Nam cầu Đập dâng đến nút giao Quốc lộ 1 và đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (trục dọc D9)
6	Đường trục chính nối từ QL1 đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh
7	Đường Bùi Thị Xuân
8	Đường Trần Kỳ Phong
9	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ Ngô Sỹ Liên đến đường Hùng Vương)
10	Đường Hoàng Văn Thụ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Duẩn)
11	Đường Trần Khánh Dư (đoạn từ Đình Tiên Hoàng - Bích Khê)
12	Đường Lê Quý Đôn, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Lê Lợi đến kênh N6)
13	Đường bờ Tây sông Kinh Giang, xã Tịnh Khê
14	Mở rộng nút giao thông ngã 5 cũ, thành phố Quảng Ngãi
15	Đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi (Đoạn từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Quang Trung)
16	Nâng cấp, chỉnh trang trục đường Phạm Văn Đồng và Quảng trường thành phố
17	Tuyến đường nối từ đường Trần Anh Tông đến KDC 623C Nghĩa Dũng

TT	Nội dung công việc
18	Đường Nguyễn Hữu Cảnh
19	Đường Bùi Thị Xuân (Đoạn từ đường Lê Văn Sỹ đến đường Nguyễn Đình Chiểu)
20	Đường Trần Kỳ Phong (Đoạn từ Khu dân cư Bắc Lê Lợi đến Lê Đại Hành)
21	Xây dựng mới tuyến phía vành đai 1 kết nối với QL1A
22	Xây dựng mới tuyến phía vành đai 2
23	Nâng cấp và mở rộng tuyến trục ngang phía Bắc (QL.24B)
24	Cải tạo hệ thống giao thông hiện hữu, đầu tư hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch
25	Xây dựng và nâng cấp các cầu qua sông theo quy hoạch, chỉnh trang nâng cấp 07 cầu cơ giới hiện hữu.
26	Đầu tư, xây dựng mới một số tuyến trục chính, trục liên khu vực, phân khu vực
27	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường đô thị hiện hữu đã xuống cấp
28	Đầu tư kéo dài, xây dựng mới các trục chính, trục phân khu trong đô thị hiện hữu
29	Đầu tư, xây dựng mới một số tuyến trục chính, trục liên khu vực, phân khu vực
II	Cấp điện, chiếu sáng
1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường và thôn hẻm phố trên địa bàn thành phố
III	Thoát nước và xử lý nước thải
1	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc
2	Dự án phát triển hạ tầng thích ứng thành phố Quảng Ngãi
3	Nâng cấp trạm bơm Bàu He
4	Xây dựng trạm bơm Quảng Phú
5	Xây dựng trạm bơm Tịnh Long
6	Xây dựng trạm bơm Tịnh Khê 1

TT	Nội dung công việc
7	Xây dựng trạm bơm Tịnh Kỳ
8	Xây dựng trạm bơm Tịnh Hòa
9	Xây dựng trạm bơm Tịnh Hòa 2
10	Xây dựng trạm bơm Nghĩa Hà 2
11	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải thành phố; Xây dựng hệ thống trạm bơm xử lý nước thải
B	Hạ tầng xã hội
I	Công trình giáo dục, đào tạo
1	Đầu tư, nâng cấp các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố
2	Đầu tư, nâng cấp các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố
3	Đầu tư, nâng cấp các Trường THCS trên địa bàn thành phố
4	Đầu tư, nâng cấp các Trường TH&THCS trên địa bàn thành phố
5	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chu Văn An
6	Trường THPT Võ Nguyên Giáp - Xây dựng khối thư viện, khối nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ
7	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng - Nhà tập đa năng và các hạng mục phụ trợ
8	Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Khối nhà học 4 tầng (24 phòng) và các hạng mục phụ trợ
9	Trung tâm GDTX - hạng mục xây dựng khối phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ
10	Trung tâm hỗ trợ PTGDHN - dãy phòng can thiệp và hỗ trợ GDHN
11	Trường THPT Võ Nguyên Giáp - Xây dựng bể bơi và các hạng mục phụ trợ
12	Trường Đại học Phạm Văn Đồng - hạng mục giải phóng mặt bằng - xây dựng tường rào (khu A+B)
13	Xây dựng mới các trường PTTH
14	Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp hệ thống trường học hiện hữu

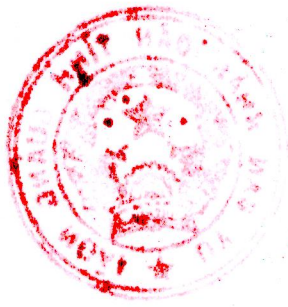
TT	Nội dung công việc
II	Công trình y tế
1	Bệnh viện Tâm Thần (hạng mục: Khoa điều trị bệnh nhân cấp tính và nghiện chất; cải tạo nâng cấp các khoa phòng, cải tạo hệ thống PCCC)
2	Bệnh viện lao và Bệnh viện phổi (Cải tạo, nâng cấp khu hành chính, Khoa lao ngoài phổi và bệnh phổi nhiễm trùng; các hạng mục phụ trợ; cải tạo hệ thống PCCC)
3	Bệnh viện nội tiết (hạng mục: xây dựng khu kỹ thuật cận lâm sàng; cải tạo nâng cấp các khoa, phòng)
4	Trung tâm y tế thành phố (hạng mục: Xây dựng khoa Y học cổ truyền, phục hồi chức năng, khoa dược và các hạng mục phụ trợ)
5	Trung tâm mắt (hạng mục xây dựng mới các khối khám và điều trị; nâng cấp cải tạo các khoa phòng và các hạng mục phụ trợ; xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải; cải tạo toàn bộ hệ thống PCCC)
6	Bệnh viện đa khoa tỉnh (hạng mục: Nhà nghỉ cho người nhà bệnh nhân, nhà để xe và các hạng mục phụ trợ)
7	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh (hạng mục: mở rộng Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh; nâng cấp, cải tạo một số khoa, phòng; sửa chữa, cải tạo hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ)
8	Bệnh viện phía Bắc thành phố Quảng Ngãi (cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa tỉnh)
9	Đầu tư xây dựng mới cụm các bệnh viện tỉnh Quảng Ngãi
10	Cải tạo nâng cấp các công trình hiện hữu
III	Công trình văn hóa, thể dục thể thao
1	Bảo tàng và Thư viện tổng hợp tỉnh
2	Tôn tạo di tích quốc gia Khu Chứng tích Sơn Mỹ
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Quảng Ngãi
4	Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa cấp đô thị (02 công trình)
5	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, sân vận động, di tích trên địa bàn thành phố
6	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh tại xã Nghĩa Hà

TT	Nội dung công việc
IV	Công trình thương mại, dịch vụ
1	Xây dựng Chợ xã Tịnh Kỳ
2	Đầu tư hạ tầng tại khu đất quy hoạch XD Chợ Thu Lộ, phường Trần Phú
3	Xây dựng Chợ xã An Phú
4	Xây dựng Chợ Nghĩa Đồng
V	Trụ sở, cơ quan
1	Khu hành chính tập trung thành phố Quảng Ngãi
2	Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp các công trình trụ sở các xã, phường
VI	Hệ thống công viên, cây xanh, nghĩa trang
1	Nghĩa Trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi
2	Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi
3	Công viên Thiên Bút
4	Khu văn hóa Thiên ấn, thành phố Quảng Ngãi
VII	Khu đô thị, khu dân cư
1	Hạ tầng và Khu dân cư An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ
2	Khu dân cư phục vụ tái định cư trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi
3	Khu dân cư phía Nam đường Trần Văn Trà
4	Khu Đô thị mới tại xã Tịnh Ấn Tây và Phường Trương Quang Trọng
5	Khu dân cư Trung tâm xã Tịnh Ấn Tây (Phía Tây đường dẫn Cầu Thạch Bích – nối Tịnh Phong)
6	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Bắc chợ mới Hàng Rượu, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi
7	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi
8	Khu dân cư dọc đường Nguyễn Tri Phương nối dài (Bắc sông Bàu Giang)
9	Khu đô thị mới phía Bắc thành phố, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi

TT	Nội dung công việc
C	Các công trình, dự án khác
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Tịnh Hoà
2	Kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và xã Tịnh Long
3	Kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Long và Tịnh Khê
4	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương)
5	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy (giai đoạn 2)
6	Kè và cải tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (đoạn từ cầu Trà Khúc 1 đến cầu Trường Xuân)

PHỤ LỤC 2**Dự án phát triển đô thị bền vững (tăng trưởng xanh, thông minh, biến đổi khí hậu)***(Kèm theo Quyết định số 162.../QĐ-UBND ngày 10/8/2025 của UBND tỉnh)*

TT	Nội dung công việc
I	Đô thị thông minh
1	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát hạ tầng kỹ thuật thông minh: Giao thông, chiếu sáng, cấp thoát nước, thu gom rác thải, cây xanh
2	Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố
3	Xây dựng khung kiến trúc công nghệ thông tin – truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tại đô thị
II	Biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai
1	Khắc phục sạt lở bờ sông Hưng Nhơn, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi
2	Khắc phục sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên (đoạn từ Lăng cá Ông đến Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên giai đoạn 1), xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi
3	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc đoạn qua xóm Lân xã Tịnh Long
4	Sửa chữa, nâng cấp đập ngăn mặn Khê Hòa
5	Sửa chữa, nâng cấp đập ngăn mặn Hiền Lương
III	Tăng trưởng xanh
1	Trồng cây toàn bộ vùng đệm, chân, sườn, đỉnh: Núi Long Đầu, núi Thiên Ân, núi Sứa



PHỤ LỤC 3

Danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 162.../QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc
A	Hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng kỹ thuật đầu mối
I	Bến xe
1	Bến xe Bắc và trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe Quảng Ngãi
II	Cấp điện, chiếu sáng
1	Xây dựng trạm biến áp và hướng tuyến đường dây 110kV thuộc dự án trạm biến áp 110kV Nghĩa Hà
2	Trạm biến áp 110kV Mỹ Khê
3	Trạm 110kV Mỹ Khê (2x40MVA) giai đoạn đầu
4	Trạm 110kV Núi Bút (2x40MVA) giai đoạn đầu
5	Trạm 110kV Nghĩa Hà (25MVA) giai đoạn đầu
6	Xây dựng 03 trạm 110kV
7	Cải tạo, hạ ngầm mạng lưới trung thế, hạ thế thành phố Quảng Ngãi
8	Đầu tư phát triển hệ thống cấp điện thành phố
9	Cải tạo, ngầm hóa hệ thống lưới điện một số tuyến hiện trạng
10	Đầu tư hệ thống điện đi ngầm đồng thời với các tuyến đường xây dựng mới
III	Cấp nước
1	Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Quảng Ngãi (nâng công suất từ 20.000m ³ /ngđ lên 45.000m ³ /ngđ)
2	Xây dựng hệ thống cấp nước Trà Khúc
3	Xây dựng hệ thống cấp nước Tịnh Hòa
4	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Trà Khúc
IV	Thu gom chất thải rắn, nghĩa trang
1	Bổ sung, hoàn thiện hệ thống thu gom, các khu vực trung chuyển rác thải
2	Nâng cấp công suất nhà máy xử lý rác thải
3	Đầu tư mở rộng khu xử lý CTR Nghĩa Kỳ
4	Nhà tang lễ

5	Đầu tư xây dựng mới Công viên Nghĩa trang Tịnh Ấn Đông
B	Hạ tầng xã hội
I	Công trình y tế
1	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Quảng Ngãi
II	Công trình thương mại, dịch vụ
1	Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, nhà hàng khách sạn
III	Khu đô thị, khu dân cư
1	Khu dân cư Đông Sơn Mỹ, thành phố Quảng Ngãi
2	Khu dân cư Nhân Hòa
3	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh
4	Khu dân cư Phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Quảng Ngãi
5	Khu đô thị Bàu Giang, tỉnh Quảng Ngãi
6	Đầu tư và khai thác hạ tầng Khu dân cư kết hợp dịch vụ thể thao Hưng Thành Phát
7	Khu dịch vụ đô thị và du lịch biển Hàng Dương, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi
8	Khu dân cư Tịnh An – Tịnh Long
9	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Phú Thiện
10	Khu dân cư Đông Thiên Ấn
11	Khu dân cư Trung tâm xã Nghĩa Dũng, TP.Quảng Ngãi
12	Khu dân cư phía Tây cầu Cửa Đại
13	Khu dân cư An Nhơn Viên
14	Khu dân cư An Lộc Viên
15	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Đông và Tây đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Quảng Ngãi
16	Khu nhà ở xã hội tại xã Tịnh Ấn Tây
17	Khu dân cư Bờ Bắc kết hợp chỉnh trang đô thị
18	Khu dân cư Vạn Tượng
19	Khu dân cư phía Bắc đường Hồ Quý Ly thành phố Quảng Ngãi
20	Khu dân cư Nam Nguyễn Trãi, kết hợp chỉnh trang đô thị
21	Khu đô thị Vạn Lộc

22	Khu dân cư Thống Nhất, kết hợp chỉnh trang đô thị tại xã Tịnh Ấn Tây
23	Khu đô thị mới phường Quảng Phú
24	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Nghĩa Chánh
25	Khu đô thị mới tại xã Nghĩa Dũng
26	Regal River
27	Khu dân cư RIVERSIDE Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi
28	Khu dân cư chỉnh trang đô thị kết hợp thương mại dịch vụ Nghĩa Hà
29	Khu đô thị Tịnh An -Tịnh Châu
30	Khu đô thị EURO
31	Khu dân cư Chỉnh trang đô thị Tổ dân phố 2
32	Chỉnh trang một phần khu dân cư Tổ 7 và Chợ Nghĩa Lộ
33	Khu dân cư Độc lập thành phố Quảng Ngãi
34	Khu dân cư Tịnh Khê RIVERSIDE
35	Khu dân cư Bình An 09
36	Khu dân cư Mỹ Phúc
37	Công viên Quảng Trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi
38	Khu đô thị Nam Sông Trà Khúc
39	Khu dân cư Nghĩa Chánh
40	Khu đô thị Tịnh Long
41	Phát triển các khu đô thị mới
42	Phát triển hạ tầng các khu du lịch khai thác cảnh quan thành phố
43	Phát triển các khu dân đô thị mới dọc trục đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi
44	Khu đô thị mới tại khu vực Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất sạch vị trí hạ lưu Đập dâng sông Trà Khúc, xã Tịnh An và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi
45	Khu đô thị mới tại khu vực Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi
46	Khu đô thị mới tại khu vực Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất sạch kết hợp kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Long
47	Phát triển các khu dân cư nông thôn